

Số: 70 /CV-CTX-TKTCT

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Quý II năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

- Tên tổ chức: **Tổng công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam**
  - Mã chứng khoán: **CTX**
  - Địa chỉ: Tầng 2, nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
  - Điện thoại liên hệ/Tel: (024) 6281.2000 Fax: (024) 3782.0176
  - Email:..... Website: <http://www.ctx.vn>

### 2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC Quý II năm 2024
  - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
  - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
  - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
- + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có  Không

- + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có  Không



+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày: 26/07/2024 tại đường dẫn: <http://ctx.vn/co-dong/>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:.....
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);.....
- Ngày hoàn thành giao dịch:.....

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC Công ty Mẹ và Hợp nhất quý II năm 2024;
- Văn bản giải trình chênh lệch LNST.

**Đại diện tổ chức**  
**Người ủy quyền CBTT**



**Trần Anh Hải**



Số: **71** /CV-CTX-TKTCT  
V/v: giải trình chênh lệch LNST quý II  
năm 2024 so với cùng kỳ năm trước

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2024

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

- Tên công ty: Tổng công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam
  - Mã chứng khoán: CTX
  - Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2 - Tòa nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
  - Điện thoại : (024) 6281.2000 - Fax: (024) 3782.0176 - Email: info@ctx.vn
- Người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin: Ông Trần Anh Hải
- Nội dung thông tin công bố:

**3.1 Giải trình LNST trên báo cáo kết quả kinh doanh Công ty Mẹ quý II năm 2024:**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý II năm 2024 tăng 122,2% so với quý II năm 2023 và chuyển từ lỗ ở báo cáo quý II năm 2023 sang lãi ở báo cáo kỳ này nguyên nhân chủ yếu là do trong kỳ báo cáo Doanh nghiệp hoàn nhập trích lập dự phòng đầu tư vào công ty con nên dẫn tới chi phí tài chính giảm 217,8% so với cùng kỳ năm trước.

**3.2 Giải trình LNST trên báo cáo kết quả kinh doanh Hợp nhất quý II năm 2024:**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý II năm 2024 giảm 107,3% so với quý II năm 2023 và chuyển từ lãi ở báo cáo quý II năm 2023 sang lỗ ở báo cáo kỳ này nguyên nhân chủ yếu do kỳ này Doanh thu giảm chỉ bằng 57,58% so với cùng kỳ trong khi Chi phí bán hàng kỳ này tăng 199,2% so với cùng kỳ năm trước.

- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày 26/07/2024 tại đường dẫn: <http://ctx.vn/co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TKTCT.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT**  
  
**TRẦN ANH HẢI**

**GIẤY ỦY QUYỀN****Căn cứ:**

- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 số 2017/NĐCTX-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 06 năm 2017.
- Quyết định số 20/2020/QĐ-CTX-TCNS ngày 12 tháng 06 năm 2020 về việc bổ nhiệm Trưởng phòng Tài chính - Kế toán.

**1. Người ủy quyền:**

- Ông : **Phan Minh Tuấn**
- Thẻ căn cước công dân số: 001073010806 do Cục cảnh sát ĐKQLCT và DLQG về dân cư cấp ngày 15/09/2016.
- Chức vụ : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- Là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam (CTX Holdings).

**2. Người được ủy quyền:**

- Bà : **Hoàng Thị Hương Lan**
- Số CMTND : 013505021 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 19/01/2012
- Chức vụ : Trưởng phòng Tài chính - Kế toán

**3. Nội dung ủy quyền:**

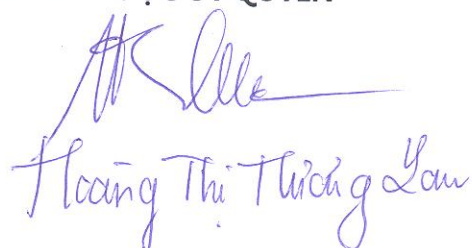
- Ông Phan Minh Tuấn, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc ủy quyền cho bà Hoàng Thị Hương Lan, trưởng phòng Tài chính - Kế toán thay mặt cho Tổng công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam ký: Bộ báo cáo tài chính văn phòng và hợp nhất năm, bán niên, quý của Tổng Công ty CTX Holdings (báo cáo tự lập và báo cáo kiểm toán) theo qui định của pháp luật.
- Người được ủy quyền nêu trên chỉ được thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của Tổng công ty CTX Holdings và chịu hoàn toàn trước pháp luật và Tổng công ty CTX Holdings về những công việc trong phạm vi được ủy quyền.

**4. Thời hạn ủy quyền:**

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt khi công việc theo nội dung ủy quyền được hoàn thành hoặc có văn bản khác thay thế văn bản này./.

**NGƯỜI ỦY QUYỀN**

**TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHAN MINH TUẤN**

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

**Hoàng Thị Hương Lan**



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

**Báo cáo tài chính Công ty Mẹ quý II/2024**

<b>MỤC LỤC</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng Cân đối kế toán	3 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	7 - 8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 30

# **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

Tầng 2-nhà HH2-Đường Dương Đình Nghệ – KĐT Yên Hòa - Quận Cầu Giấy – Thành Phố Hà Nội

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

### **TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam được chuyển đổi (cổ phần hóa) theo Quyết định số 565/QĐ-BXD ngày 13/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam thành Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam. Tổng Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103017485 lần đầu ngày 25/05/2007, thay đổi lần thứ 12 ngày 04/10/2019 – số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0100109441 .

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký kinh doanh là 789.072.760.000 đồng (Bảy trăm tám mươi chín tỷ không trăm bảy mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng).

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại tầng 2 nhà HH2 - Đường Dương Đình Nghệ – khu đô thị Yên Hòa- Phường Yên Hòa- Quận Cầu Giấy – Thành Phố Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

#### Hội đồng Quản trị

Ông Phan Minh Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hưng	Ủy viên
Ông Trần Khanh	Ủy viên
Bà Chu Thị Hồng Hạnh	Ủy viên
Ông Lý Quốc Hùng	Ủy viên

#### Ban Kiểm soát

Ông Lý Văn Khả	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Trần Anh Tú	Ủy viên
Ông Nguyễn Toàn Thắng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Phan Minh Tuấn	Tổng Giám đốc	
Ông Lý Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Tường Hải	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm kể từ ngày 29/12/2023
Bà Ngô Thị Thu Lý	Phó Tổng Giám đốc	

### **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

Tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trên Báo cáo tài chính từ trang 03 đến trang 30 kèm theo.

## **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

## **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty hiện nay là Ông Phan Minh Tuấn, Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc theo Nghị quyết của ĐHCĐ bất thường ngày 02 tháng 02 năm 2016;

**T.U.Q TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Hoàng Thị Hương Lan**  
**Trưởng phòng Tài chính kế toán**

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2024



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

ĐVT: VND

TT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>A -</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> <b>(100 = 110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>801.966.513.841</b>	<b>820.028.361.075</b>
<b>I-</b>	<b>Tiền</b>	<b>110</b>	<b>1</b>	<b>67.026.018.271</b>	<b>73.110.038.293</b>
1	Tiền	111		67.026.018.271	15.110.038.293
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	58.000.000.000
<b>II-</b>	<b>Các khoản ĐTTTC ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>2</b>	<b>203.645.251</b>	<b>45.203.645.251</b>
	Các khoản đầu tư (chứng khoán kinh doanh)				
1	Doanh nghiệp	121		2.549.370.051	2.549.370.051
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(2.345.724.800)	(2.345.724.800)
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	45.000.000.000
<b>III-</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>710.427.474.255</b>	<b>677.338.498.635</b>
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>3</b>	221.506.623.236	223.134.553.035
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	<b>4</b>	162.191.660.732	161.820.160.395
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
5	Phải thu ngắn hạn khác	136	<b>5</b>	483.079.921.674	448.734.516.592
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(156.350.731.387)	(156.350.731.387)
<b>IV-</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>22.650.644.092</b>	<b>22.184.865.483</b>
1	Hàng tồn kho	141	<b>6</b>	22.650.644.092	22.184.865.483
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V-</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.658.731.972</b>	<b>2.191.313.413</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		83.318.950	143.246.725
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		162.276.740	623.327.157
3	Thuế và các khoản khác phải thu NN	153		1.413.136.282	1.424.739.531
4	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>B -</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>1.284.374.513.663</b>	<b>1.281.451.775.062</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.450.141</b>	<b>3.450.141</b>
1	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
2	Phải thu dài hạn khác	216		3.450.141	3.450.141
3	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.117.023.014</b>	<b>1.197.918.698</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	7	1.117.023.014	1.197.918.698
-	- Nguyên giá	222		7.814.560.485	7.814.560.485
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.697.537.471)	(6.616.641.787)
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>8</b>	<b>11.285.832.214</b>	<b>11.948.861.872</b>
1	Nguyên giá	231		34.003.079.625	34.003.079.625
2	Giá trị hao mòn lũy kế	232		(22.717.247.411)	(22.054.217.753)
<b>IV</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>546.936.230.880</b>	<b>546.236.140.182</b>
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	6	546.936.230.880	546.236.140.182
2	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
<b>V</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>2</b>	<b>724.820.314.141</b>	<b>721.786.214.850</b>
1	Đầu tư vào công ty con	251		771.173.899.998	771.173.899.998
2	Đầu tư vào công ty liên kết	252		32.933.412.413	32.933.412.413
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		12.012.898.701	12.012.898.701
4	Dự phòng giảm giá ĐTTTC dài hạn	254		(91.299.896.971)	(94.333.996.262)
5	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>211.663.273</b>	<b>279.189.319</b>
1	Chi phí trả trước	261	9	211.663.273	279.189.319
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>		<b>270</b>		<b>2.086.341.027.504</b>	<b>2.101.480.136.137</b>

TT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>A-</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b> <b>(300 = 310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1.036.521.264.412</b>	<b>1.054.011.459.649</b>
<b>I-</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>895.428.253.259</b>	<b>913.454.513.288</b>
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	<b>11</b>	171.420.893.043	183.372.154.528
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	<b>12</b>	28.725.159.059	28.725.159.059
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	<b>13</b>	658.680.561	185.326.733
4	Phải trả người lao động	314		905.199.158	827.564.862
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	<b>14</b>	194.702.881.811	196.128.681.135
9	Phải trả ngắn hạn khác	319	<b>15</b>	350.855.439.627	356.055.626.971
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	<b>10</b>	148.160.000.000	148.160.000.000
<b>II-</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>141.093.011.153</b>	<b>140.556.946.361</b>
4	Chi phí phải trả dài hạn	333	<b>14</b>	141.093.011.153	140.556.946.361
<b>B-</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> <b>(400 = 410+430)</b>	<b>400</b>		<b>1.049.819.763.092</b>	<b>1.047.468.676.488</b>
<b>I-</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>1.049.819.763.092</b>	<b>1.047.468.676.488</b>
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411		789.072.760.000	789.072.760.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
8	Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
12	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		260.747.003.092	258.395.916.488
12a	<i>LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		258.395.916.488	258.243.886.200
12b	<i>LNST chưa PP kỳ này</i>	421b		2.351.086.604	152.030.288
13	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II-</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>		<b>440</b>		<b>2.086.341.027.504</b>	<b>2.101.480.136.137</b>

**T.U.Q TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Đỗ Quốc Việt**  
 Người lập/Kế toán trưởng  
 Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2024



**Hoàng Thị Hương Lan**  
 Trưởng phòng Tài chính kế toán

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Quý II/2024

ĐVT: VNĐ

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Quý II/2024	Quý II/2023	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
					Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	3.849.382.265	2.915.218.357	6.796.705.303	6.767.992.990
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	2	-	-	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	3.849.382.265	2.915.218.357	6.796.705.303	6.767.992.990
4.	Giá vốn hàng bán	11	2.194.589.617	1.536.258.789	3.664.933.264	3.945.888.774
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20	1.654.792.648	1.378.959.568	3.131.772.039	2.822.104.216
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	337.592.015	1.360.188.180	1.234.047.631	2.705.809.616
7.	Chi phí tài chính	22	(987.910.431)	838.541.526	(3.034.099.291)	415.491.219
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23			-	-
8.	Chi phí bán hàng	25	-	-	-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	2.753.706.310	2.528.065.815	4.390.112.572	5.680.357.979
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30	226.588.784	(627.459.593)	3.009.806.389	(567.935.366)
11.	Thu nhập khác	31	-	124.000.000	15.000.000	6.000.000
12.	Chi phí khác	32	22.967.759	208.722.206	71.758.507	146.840.744
13.	Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	(22.967.759)	(84.722.206)	(56.758.507)	(140.840.744)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	203.621.025	(712.181.799)	2.953.047.882	(708.776.110)
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	45.317.757	-	601.961.278	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60	158.303.268	(712.181.799)	2.351.086.604	(708.776.110)

**Đỗ Quốc Việt**  
 Người lập/Kế toán trưởng



**Hoàng Thị Hương Lan**  
 Trưởng phòng Tài chính kế toán

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Quý II/2024

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
1	<b>Tổng lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</b>	<b>2.953.047.882</b>	<b>(708.776.110)</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
2	Khấu hao TSCĐ	743.925.342	740.427.568,0
3	Các khoản dự phòng	(3.034.099.291)	415.491.219
4	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	-
5	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(1.234.047.631)	(2.705.809.616)
6	Chi phí lãi vay	-	-
7	Các khoản điều chỉnh khác	-	-
8	<b>Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>(571.173.698)</b>	<b>(2.258.666.939)</b>
9	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(32.616.321.954)	17.801.687.450
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	(465.778.609)	(10.082.687.699)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	(18.021.859.214)	(11.166.024.950)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước	127.453.821	179.732.140
13	(Tăng) giảm chứng khoán kinh doanh	-	-
14	Tiền lãi vay đã trả	-	-
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(70.297.301)	(297.746.249)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	-	-
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(51.617.976.955)</b>	<b>(5.823.706.247)</b>
	<b>II. Lưu chuyển từ hoạt động đầu tư</b>		
21	Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	(700.090.698)	(8.294.652.760)
22	Tiền thu do t/lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	-	-
23	Tiền chi cho vay (gửi ngân hàng), mua các công cụ nợ của đơn vị khác		
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	45.000.000.000	
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đvị khác/bán cty con		
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	1.234.047.631	1.030.253.948
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>45.533.956.933</b>	<b>(7.264.398.812)</b>

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của CSH	-	-
32	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	-
33	Tiền thu từ đi vay	-	-
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	-	(232.000.440)
35	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	-	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	-
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	=	<b>(232.000.440)</b>
50	<b>Tăng/(giảm) tiền thuần trong kỳ</b>	<b>(6.084.020.022)</b>	<b>(13.320.105.499)</b>
60	Tiền [và tương đương tiền] đầu kỳ	<u>73.110.038.293</u>	<u>22.169.467.906</u>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền [và tương đương tiền] cuối kỳ	<u>67.026.018.271</u>	<u>8.849.362.407</u>

**T.U.Q TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Đỗ Quốc Việt**  
 Người lập/Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2024



**Hoàng Thị Hương Lan**  
 Trưởng phòng Tài chính kế toán

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1.1. Thông tin Tổng công ty:**

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam (“Tổng Công ty”) là một công ty được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là Công ty Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam theo Quyết định số 655/QĐ-BXD được ban hành bởi Bộ Xây dựng ngày 13 tháng 4 năm 2007. Tổng Công ty nay là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0100109441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 25 tháng 5 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 12 được cấp ngày 14 tháng 10 năm 2019.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Tổng Công ty là:

- ▶ Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; Tư vấn giám sát xây dựng và mua sắm;
- ▶ Đầu tư, kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng và nhà ở; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Do đặc thù hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, phát triển bất động sản, và xây lắp nên chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty có thể kéo dài từ 12 đến 36 tháng, tùy thuộc vào tính chất, phạm vi của các dự án bất động sản và hợp đồng xây dựng mà Tổng Công ty thực hiện.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại tầng 2, tòa nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Tổng Công ty có các chi nhánh sau:

<i>Tên Chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>
1. Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam tại Hải Dương	Số 42, phố Lê Chân, phường Phạm Ngũ Lão, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
2. Trung tâm Kinh doanh Thương mại – Dịch vụ Constrexim TS – Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam	Số 39, phố Nguyễn Đình Chiểu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

**1.2 Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Tổng Công ty có các công ty con như trình bày dưới đây:

STT	Tên công ty	Trụ sở chính theo đăng ký doanh nghiệp	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty		Hoạt động chính
			Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 01 tháng 04 năm 2024	
			(%)	(%)	
1	Công ty TNHH CTX Số 1	Tầng 2, Tòa nhà HH2 Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100	100	Thi công, xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp
2	Công ty TNHH CTX Số 2	Tầng 2, Tòa nhà HH2 Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100	100	Đầu tư phát triển dự án Bất động sản
3	Công ty TNHH Apas Hospitality (trước là Công ty TNHH CTX Số 3)	Tầng 2, Tòa nhà HH2 Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100	100	Cung cấp dịch vụ quản lý và cho thuê bất động sản
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Constrexim	Số 38 Trần Nhật Duật, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	81	81	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
5	Công ty TNHH Đầu tư C.T.L	Tầng 1, tòa nhà PentStudio Lô đất B Khu đấu giá D1, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội	100	100	Phát triển dự án đang quản lý và kinh doanh bất động sản
6	Công ty Cổ phần Địa ốc Sum Lâm	Số 38 Trần Nhật Duật, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	94	94	Phát triển dự án bất động sản
7	Công ty Cổ phần Ocean View Nha Trang	Số 38 Trần Nhật Duật, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	90	89	Phát triển dự án bất động sản
8	Công ty Cổ phần Thủy điện La Ngâu	A11 đường Ngô Thị Nhậm, Phường Phú Thủy, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận.	98	98	Phát triển dự án thủy điện
9	Công ty Cổ phần Đầu tư Indochina (“Công ty Indochina”)	K60, Khu Thương mại Kim Thành, Phường Duyên Hải, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai	99,9	99,9	Phát triển dự án khách sạn và trung tâm thương mại



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

**Cơ sở tổng hợp báo cáo**

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam, CN Constrexim Hải dương, Công ty XL số 5.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp đã ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, hướng dẫn chế độ Kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Tiền và tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 40
Máy móc thiết bị	04 - 10
Phương tiện vận tải	04 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định khác	05

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa	25 năm
Tài sản khác	5 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết, đầu tư khác**

Đầu tư vào công ty con là khoản đầu tư mà thông qua đó, bên đầu tư nắm giữ quyền kiểm soát đối với bên nhận đầu tư. Phần vốn góp của công ty Mẹ vào công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính của Công ty Mẹ. Các khoản lợi nhuận từ hoạt động của công ty con được ghi nhận trong Báo cáo của Công ty Mẹ khi có quyết định chính thức về việc phân chia lợi nhuận của Hội đồng Quản trị (hoặc Đại hội cổ đông) công ty con. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền kiểm soát, quyền đưa ra ý kiến, tham gia ý kiến có tính chất quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Công ty liên kết là khoản đầu tư của Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không dưới dạng là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được theo dõi dựa trên các thoả thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập.

Đầu tư khác là các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Tổng Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng không trọng yếu được phản ánh theo giá gốc.

Các khoản nợ và chi phí phát sinh liên quan đến việc đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh, đầu tư khác được hạch toán theo quy định hiện hành. Phần thu nhập được hạch toán tại thời điểm có phát sinh.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn của Tổng Công ty bao gồm giá trị lợi thế doanh nghiệp (thương hiệu), chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ nhất quán theo tiêu thức phù hợp.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

#### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hay sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

#### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỉ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỉ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm là tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/06/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.385.304.842	1.385.304.842
Tiền gửi ngân hàng	65.640.713.429	13.724.733.451
Các khoản tương đương tiền	-	58.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>67.026.018.271</b>	<b>73.110.038.293</b>

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

	<b>30/06/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chứng khoán kinh doanh	2.549.370.051	2.549.370.051
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	45.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:	816.120.211.112	816.120.211.112
<i>Đầu tư vào công ty con</i>	<i>771.173.899.998</i>	<i>771.173.899.998</i>
<i>Đầu tư vào Cty liên doanh, liên kết</i>	<i>32.933.412.413</i>	<i>32.933.412.413</i>
<i>Đầu tư vào đơn vị khác</i>	<i>12.012.898.701</i>	<i>12.012.898.701</i>
<b>Tổng cộng</b>	<b>818.669.581.163</b>	<b>863.669.581.163</b>

**Chứng khoán kinh doanh:**

Đơn vị tính: VND

Chứng khoán kinh doanh	30/06/2024			01/01/2024		
	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng
Tên chứng khoán						
Công ty cổ phần Constrexim Viet CZ	5.600	862.400.000	(862.400.000)	5.600	862.400.000	(862.400.000)
Các cổ phiếu khác	27.079	1.686.970.051	(1.483.324.800)	27.079	1.686.970.051	(1.483.324.800)
<b>Tổng cộng</b>	<b>32.679</b>	<b>2.549.370.05</b>	<b>(2.345.724.800)</b>	<b>32.679</b>	<b>2.549.370.051</b>	<b>(2.345.724.800)</b>

**Đầu tư vào công ty con:**

Đơn vị tính: VND

Tên các Công ty con	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty cổ phần CTX số 1	20.580.000.000	8.268.663.792	20.580.000.000	8.245.952.497
Công ty TNHH MTV APAS Hospitality	1.000.000.000	189.879.341	1.000.000.000	213.832.487
Công ty Cổ phần Đầu tư XD và TM Constrexim	8.100.000.000	8.100.000.000	8.100.000.000	8.100.000.000
Công ty TNHH Đầu tư C,T,L	225.283.000.000	-	225.283.000.000	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Sum Lâm	121.392.900.000	1.215.963.628	121.392.900.000	1.215.963.628
Công ty Cổ phần Ocean View Nha Trang	53.775.000.000	-	53.177.500.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện La Ngâu	102.142.999.998	252.991.703	102.141.999.998	252.991.703
Công ty Cổ phần Đầu tư Indochina	232.900.000.000	29.965.470.474	232.900.000.000	32.998.327.914
Công ty TNHH CTX Số 2	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>771.173.899.998</b>	<b>47.992.968.938</b>	<b>770.575.399.998</b>	<b>51.027.068.229</b>

**Đầu tư vào công ty liên kết:**

Đơn vị tính: VND

Tên đơn vị	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần ĐTXD và lắp máy Điện nước Constrexim Toàn Cầu	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Constrexim Đông Đô	2.700.000.000	2.700.000.000	2.700.000.000	2.700.000.000
Công ty Cổ phần xây lắp và Sản xuất Cấu kiện Constrexim	1.800.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000
Công ty Cổ phần Constrexim Hồng Hà	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Constrexim Tân Long	18.433.412.413	18.433.412.413	18.433.412.413	18.433.412.413
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn xây dựng Constrexim (ICC)	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Tư vấn Thiết kế Constrexim (CID)	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>32.933.412.413</b>	<b>32.933.412.413</b>	<b>32.933.412.413</b>	<b>32.933.412.413</b>



Đầu tư vào đơn vị khác

Đơn vị tính: VND

Tên đơn vị	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Constrexim số 1	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và XNK Cảnh Viên	2.765.700.000	2.765.700.000	2.765.700.000	2.765.700.000
Công ty Cổ phần Constrexim Việt Séc	320.000.000	320.000.000	320.000.000	320.000.000
Công ty Cổ phần Constrexim Đầu tư và xây lắp Cao tầng	1.800.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000
Công ty Cổ phần Constrexim số 8	979.383.081	979.383.081	979.383.081	979.383.081
Công ty Cổ phần Constrexim số 6	690.000.000	690.000.000	690.000.000	690.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và XNK Phục Hưng	660.000.000	660.000.000	660.000.000	660.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà Constrexim (HOD)	625.000.000	625.000.000	625.000.000	625.000.000
Công ty Cổ phần Constrexim TM	549.950.000	549.950.000	549.950.000	549.950.000
Công ty Cổ phần Constrexim Meco	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Constrexim Bình Định	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Constrexim Miền Trung	450.000.000	450.000.000	450.000.000	450.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Constrexim (CIC)	400.000.000	400.000.000	400.000.000	400.000.000
Công ty Cổ phần Constrexim Hải phòng	272.865.620	272.865.620	272.865.620	272.865.620
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.012.898.701</b>	<b>10.373.515.620</b>	<b>12.012.898.701</b>	<b>10.373.515.620</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

**5.3 Phải thu khách hàng**

	<b>30/06/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Phải thu khách hàng xây lắp liên quan đến hợp đồng thầu phụ có điều kiện (*)	97.790.062.359	97.524.062.359
- Phải thu theo các hợp đồng xây lắp khác	67.893.283.804	65.945.356.169
<i>Trong đó: Phải thu của CT KS QT Đông Dương Indochina</i>	62.795.668.218	60.847.740.583
<i>Phải thu các đối tượng khác</i>	5.097.615.586	5.097.615.586
- Phải thu liên quan đến các hoạt động khác	55.823.277.073	59.665.134.507
<b>Tổng cộng</b>	<b>221.506.623.236</b>	<b>223.134.553.035</b>

(\*) Theo các hợp đồng thầu phụ có điều kiện, Tổng công ty chỉ thanh toán cho các nhà thầu phụ sau khi nhận tiền thanh toán cho công trình từ chủ đầu tư.

	<b>30/06/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Trong đó phải thu các bên liên quan</b>		
Công ty CP Constrexim Đông Đô	26.876.159	26.876.159
Công ty CP XL và SX cấu kiện Constrexim	5.916.570.420	5.916.570.420
Công ty cổ phần Đầu tư INDOCHINA	62.795.668.218	60.847.740.583
Công ty TNHH MTV Xây dựng CTX	1.100.182.843	5.672.996.142
Công ty cổ phần Đức Tân long - Constrexim	892.649.712	892.649.712
Cty TNHH MTV APAS Hospitality	3.959.190.266	2.767.936.603
Công ty TNHH Đầu tư C.T.L	1.500.000	-
Công ty cổ phần Đầu tư và thương mại Constrexim-TIC	420.874.198	343.893.676
Công ty TNHH CTX số 2	46.300.000	44.800.000
Công ty cổ phần Đầu tư INDOCHINA-CN KS tại Mường Hoa	31.567.323	21.600.003
Công ty TNHH Đầu tư C.T.L-CN Pentstudio	400	550.246.040
<b>Tổng cộng</b>	<b>75.191.379.539</b>	<b>77.085.309.338</b>

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>30/06/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Công ty CP đầu tư PT Constrexim số 16	15.129.767.017	15.129.767.017
- Công ty TNHH CTX Số 1	42.541.415.834	42.541.415.834
- Công ty TNHH NKB Archi Vietnam	6.434.900.000	6.434.900.000
- Các khoản trả trước ngắn hạn khác	98.085.577.881	97.714.077.544
<b>Tổng cộng</b>	<b>162.191.660.732</b>	<b>161.820.160.395</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

	<b>30/06/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Trả trước cho các bên liên quan</b>		
Công ty CP đầu tư xây dựng và lắp máy điện nước CONSTREXIM Toàn Cầu	86.506.389	86.506.389
Công ty CP Constrexim Đông Đô	4.693.097.282	4.693.097.282
Công ty CP XL và SX cấu kiện Constrexim	7.544.509.825	7.544.509.825
Công ty CP Constrexim Hồng Hà	557.758.267	557.758.267
Công ty TNHH CTX Số 1	42.541.415.834	42.541.415.834
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và thương mại Constrexim	21.148.652	21.148.652
Công ty cổ phần Đức Tân long - Constrexim	1.173.304.065	1.173.304.065
Công ty CP Đầu tư xây dựng tư vấn thiết kế Constrexim	5.184.129.711	5.184.129.711
<b>Tổng cộng</b>	<b>61.801.870.025</b>	<b>61.801.870.025</b>

**5.5 Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/06/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng, ký quỹ để thực hiện các HĐXL và dự án bất động sản	46.127.943.003	65.834.168.592
Phải thu công ty con	394.262.368.777	359.693.473.549
Tạm ứng để thực hiện các hoạt động khác	41.689.609.894	21.789.436.095
Phải thu phần trả hộ vốn góp	1.000.000.000	1.000.000.000
Lãi tiền gửi	-	417.438.356
<b>Tổng cộng</b>	<b>483.079.921.674</b>	<b>448.734.516.592</b>

	<b>30/06/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu khác các bên liên quan</b>		
Công ty cổ phần Đầu tư INDOCHINA	346.054.862.978	340.754.862.978
Công ty TNHH CTX Số 1	9.594.023.486	9.093.546.646
Cty TNHH MTV CTX số 3	2.028.952.158	2.028.952.158
Công ty TNHH Đầu tư C.T.L	28.150.000.000	
Công ty TNHH CTX số 2	1.008.285.500	
Công ty Cổ phần Địa ốc Sum Lâm	8.197.292.640	8.073.024.865
<b>Tổng cộng</b>	<b>395.033.416.762</b>	<b>359.950.386.647</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

**5.6 Hàng tồn kho và tài sản dở dang dài hạn**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		
Dự án Toà nhà hỗn hợp Constrexim Complex (A1)	462.856.212.996	462.436.238.909
Dự án Tòa nhà VP và Thương mại Constrexim Plaza (E2)	84.080.017.884	83.799.901.273
<b>Cộng</b>	<b>546.936.230.880</b>	<b>546.236.140.182</b>
<b>Hàng tồn kho</b>		
- <b>Chi phí SXKD dở dang của Hoạt động xây lắp:</b>	<b>22.650.644.092</b>	<b>22.184.865.483</b>
Chi phí SXKD dở dang của các hợp đồng XD khác	22.650.644.092	22.184.865.483
<b>Tổng cộng</b>	<b>569.586.874.972</b>	<b>568.421.005.665</b>

**5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư 01/04/2024	3.624.417.692	3.003.318.129	457.573.068	729.251.596	7.814.560.485
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư 30/06/2024	3.624.417.692	3.003.318.129	457.573.068	729.251.596	7.814.560.485
<b>Hao mòn lũy kế</b>					
Số dư 01/04/2024	2.489.682.392	3.003.318.129	434.837.512	729.251.596	6.657.089.629
Tăng trong kỳ	37.824.509	-	2.623.333	-	40.447.842
Khấu hao	37.824.509	-	2.623.333	-	40.447.842
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Góp vốn	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư 30/06/2024	2.527.506.901	3.003.318.129	437.460.845	729.251.596	6.697.537.471
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại 01/04/2024	1.134.735.300	-	22.735.556	-	1.157.470.856
Tại 30/06/2024	1.096.910.791	-	20.112.223	-	1.117.023.014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

**5.8 Bất động sản đầu tư**

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Nhà cửa và vật kiến trúc	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/04/2024	32.677.383.198	1.325.696.427	<b>34.003.079.625</b>
Tăng trong kỳ			-
Giảm trong kỳ			-
Tại ngày 30/06/2024	32.677.383.198	1.325.696.427	<b>34.003.079.625</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Tại ngày 01/04/2024	21.060.036.155	1.325.696.427	<b>22.385.732.582</b>
Khấu hao tăng trong kỳ	331.514.829		<b>331.514.829</b>
Khấu hao giảm trong kỳ			-
Tại ngày 30/06/2024	21.391.550.984	1.325.696.427	<b>22.717.247.411</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/04/2024	<b>11.617.347.043</b>	-	<b>11.617.347.043</b>
Tại ngày 30/06/2024	<b>11.285.832.214</b>	-	<b>11.285.832.214</b>

**5.9 Chi phí trả trước dài hạn**

	30/06/2024 VNĐ	01/01/2024 VNĐ
Chi phí trả trước ngắn hạn	83.318.950	143.246.725
Chi phí trả trước dài hạn	211.663.273	279.189.319
<b>Tổng cộng</b>	<b>294.982.223</b>	<b>422.436.044</b>

**5.10 Vay và nợ thuê tài chính**

	30/06/2024 VNĐ	01/01/2024 VNĐ
<b>1-Vay ngắn hạn đối tượng khác</b>		
- Vay ngắn hạn Ông Trần Minh Sơn	148.160.000.000	148.160.000.000
<b>Cộng 1</b>	<b>148.160.000.000</b>	<b>148.160.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

**5.11 Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
- Phải trả người bán liên quan hoạt động dự án đầu tư	17.081.766.702	17.083.386.702
- Công ty CP Đầu tư Việt San	10.737.893.816	10.737.893.816
- Phải trả các khách hàng dự án khác	6.343.872.886	6.345.492.886
- Phải trả thầu phụ các hợp đồng xây lắp có điều kiện (*)	125.451.229.117	125.451.347.299
- Phải trả liên quan đến các hợp đồng xây lắp khác	16.081.636.082	20.331.159.385
- Các nhà cung cấp khác	12.806.261.142	20.506.261.142
<b>Tổng cộng</b>	<b>171.420.893.043</b>	<b>183.372.154.528</b>

(\*) Theo các hợp đồng thầu phụ có điều kiện tổng công ty chỉ thanh toán cho nhà thầu phụ sau khi nhận được tiền thanh toán cho công trình từ chủ đầu tư

<b>Trong đó phải trả các bên liên quan:</b>	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty CP đầu tư xây dựng và lắp máy điện nước CONSTREXIM Toàn Cầu	4.261.111.301	4.261.111.301
Công ty CP Constrexim Đông Đô	10.058.328.128	10.058.328.128
Công ty CP XL và SX cầu kiện Constrexim	661.275.244	661.275.244
Công ty CP Constrexim Hồng Hà	818.336.344	818.336.344
Công ty TNHH MTV CTX số 1	2.977.581.280	2.977.581.280
Công ty CP đầu tư và tư vấn XD Constrexim - ICC	19.970.000	19.970.000
Công ty CP Đầu tư xây dựng tư vấn thiết kế Constrexim	1.840.140.177	1.840.140.177
Công ty TNHH CTX Số 2	6.000.000.000	6.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>26.636.742.474</b>	<b>26.636.742.474</b>

**5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
- Trả trước cho các công trình xây lắp	<b>23.920.629.890</b>	<b>23.920.629.890</b>
Hệ thống cấp thoát nước trụ sở Bộ	1.339.112.346	1.339.112.346
Thư viện tỉnh Nghệ An	15.999.217.117	15.999.217.117
Công trình khác	6.582.300.427	6.582.300.427
- Tạm ứng cho các hoạt động khác	<b>4.804.529.169</b>	<b>4.804.529.169</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>28.725.159.059</b>	<b>28.725.159.059</b>

<b>Trong đó bên liên quan trả tiền trước</b>	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty cổ phần thủy điện La Ngâu	1.852.270.329	1.852.270.329
Công ty CP XL và SX cầu kiện Constrexim	1.302.505.673	1.302.505.673
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.154.776.002</b>	<b>3.154.776.002</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

**5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>30/06/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	5.296.434	5.296.434
Thuế thu nhập doanh nghiệp	601.961.278	70.297.301
Các loại thuế	51.422.849	109.732.998
<b>Tổng cộng</b>	<b>658.680.561</b>	<b>185.326.733</b>

**5.14 Chi phí phải trả**

<b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b>	<b>30/06/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí phải trả cho các hợp đồng thi công xây lắp	38.757.411.302	39.840.934.555
Chi phí phải trả cho các dự án	155.048.970.509	155.870.299.181
Chi phí phải trả khác	896.500.000	417.447.399
<b>Tổng cộng</b>	<b>194.702.881.811</b>	<b>196.128.681.135</b>

<b>Chi phí phải trả dài hạn</b>	<b>30/06/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả dự án Yên Hòa	21.872.826.843	21.336.762.051
Dự phòng trợ cấp thôi việc	291.614.310	291.614.310
Khoản phải trả cho dự án Constrexim Complex (A1)	118.928.570.000	118.928.570.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>141.093.011.153</b>	<b>140.556.946.361</b>

**5.15 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>30/06/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả liên quan đến thanh lý hợp đồng thuê VP	5.231.471.447	5.231.471.447
Phải trả cổ tức cho các cổ đông	2.155.149.757	2.155.149.757
Tiền đặt cọc để mua cổ phần trong Công ty Cổ phần Thủy điện La Ngâu	1.800.000.000	1.800.000.000
Các khoản phải trả khác	341.668.818.423	346.869.005.767
<b>Tổng cộng</b>	<b>350.855.439.627</b>	<b>356.055.626.971</b>

<b>Trong đó: Phải trả các bên liên quan</b>	<b>30/06/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Đầu tư C.T.L	210.371.722.575	215.494.259.619
Công ty cổ phần thủy điện La Ngâu	46.316.747.421	46.501.408.204
Công ty TNHH CTX số 2	14.665.495	14.665.495
Công ty cổ phần Oceanview Nha Trang	25.389.169.248	25.435.957.561
<b>Cộng</b>	<b>282.092.304.739</b>	<b>287.446.290.879</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

**5.16 Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện ngắn và dài hạn bao gồm các khoản tiền thuê ứng trước của khách hàng để thuê văn phòng và mặt bằng kinh doanh.

**5.17 Vốn chủ sở hữu**

**a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<b>30/06/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các cổ đông	789.072.760.000	789.072.760.000
Thặng dư vốn cổ phần		
<b>Tổng</b>	<b>789.072.760.000</b>	<b>789.072.760.000</b>

**b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>30/06/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn góp tại ngày đầu năm	789.072.760.000	789.072.760.000
Vốn góp tại ngày cuối năm	789.072.760.000	789.072.760.000

**c. Cổ phiếu**

	<b>30/06/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	78,907,276	78,907,276
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	78,907,276	78,907,276
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	78,907,276	78,907,276
Số lượng cổ phiếu đang niêm yết	78,907,276	78,907,276

**d. Các quỹ**

	<b>30/06/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Quỹ đầu tư phát triển	-	-
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-
<b>Tổng</b>		





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

MÁU B 09-DN

**5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**e. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư 01/01/2023	789.072.760.000	-	-	-	258.243.886.200	1.047.316.646.200
Tăng trong năm	-	-	-	-	152.030.288	152.030.288
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	152.030.288	152.030.288
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư 31/12/2023	789.072.760.000	-	-	-	258.395.916.488	1.047.468.676.488
Số dư 01/01/2024	789.072.760.000	-	-	-	258.395.916.488	1.047.468.676.488
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	2.351.086.604	2.351.086.604
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	2.351.086.604	2.351.086.604
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư 30/06/2024	789.072.760.000	-	-	-	260.747.003.092	1.049.819.763.092

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

**5.18 Kết quả kinh doanh:****a. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý 2/2024 VND	Quý 2/2023 VND
Doanh thu cho thuê nhà, kd khác	1.800.000.000	1.590.000.000
Doanh thu hàng hóa, DV khác	2.049.382.265	1.325.218.357
<b>Tổng</b>	<b>3.849.382.265</b>	<b>2.915.218.357</b>

**b. Giá vốn hàng bán**

	Quý 2/2024 VND	Quý 2/2023 VND
Giá vốn xây dựng	1.863.074.788	1.204.743.960
Giá vốn bất động sản	331.514.829	331.514.829
<b>Tổng</b>	<b>2.194.589.617</b>	<b>1.536.258.789</b>

**c. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý 2/2024 VND	Quý 2/2023 VND
Lãi tiền gửi, cho vay, LN được chia	337.592.015	1.360.188.180
<b>Tổng</b>	<b>337.592.015</b>	<b>1.360.188.180</b>

**d. Chi phí hoạt động tài chính**

	Quý 2/2024 VND	Quý 2/2023 VND
Dự phòng đầu tư vào Công ty con	(987.910.431)	838.541.526
<b>Tổng</b>	<b>(987.910.431)</b>	<b>838.541.526</b>

**e. Thu nhập khác**

	Quý 2/2024 VND	Quý 2/2023 VND
Thu nhập khác	-	124.000.000
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>124.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

**f. Chi phí khác**

	<b>Quý 2/2024</b>	<b>Quý 2/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí khác	22.967.759	208.722.206
<b>Tổng</b>	<b>22.967.759</b>	<b>208.722.206</b>

**g. Chi phí bán hàng và QLDN**

	<b>Quý 2/2024</b>	<b>Quý 2/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí tiền lương	1.264.330.000	1.264.330.000
Chi phí khấu hao TSCĐ, thương hiệu	37.824.510	37.824.510
Chi phí chung khác	1.451.551.800	1.225.911.305
<b>Tổng</b>	<b>2.753.706.310</b>	<b>2.528.065.815</b>

**h. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	<b>Quý 2/2024</b>	<b>Quý 2/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	203.621.025	(712.181.799)
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế	22.967.759	78.722.206
Chuyển lỗ lũy kế hết quý III/2023 sang	-	(111.343.876)
<b>Thu nhập tính thuế TNDN</b>	<b>226.588.784</b>	<b>(744.803.469)</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành</b>	<b>45.317.757</b>	<b>-</b>

**i. Thu nhập của các Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc:**

	<b>Quý 2/2024</b>	<b>Quý 2/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lương của hội đồng quản trị	51.000.000	51.000.000
Lương của Ban tổng giám đốc, BKS	453.300.000	399.840.000
<b>Cộng</b>	<b>504.300.000</b>	<b>450.840.000</b>

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Giám đốc Tổng Công ty nhận định, trên khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ kế toán đến ngày phát hành báo cáo cần thuyết minh hoặc điều chỉnh trên Báo cáo tài chính này.

**6.2 Số liệu so sánh**

Là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã kiểm toán và số liệu báo cáo tài chính quý 2/2023.



**Đỗ Quốc Việt**  
Người lập/Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2024



**Hoàng Thị Hương Lan**  
Trưởng phòng Tài chính kế toán

